

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Hòa Triều - Nga Nha Thượng,
xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Tiến Nông tại Tờ trình số 507/TTr-UBND ngày 27/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Hòa Triều - Nga Nha Thượng, xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về công trình

Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Hòa Triều - Nga Nha Thượng, xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 với tổng mức đầu tư là: **4.091.911.000đ.**

Trong đó:

- | | |
|---------------------|-----------------|
| - Chi phí xây lắp: | 3.598.432.000đ; |
| - Chi phí QLDA: | 90.386.069đ; |
| - Chi phí TVĐTXD: | 304.589.588đ; |
| - Chi phí khác: | 57.989.266đ; |
| - Chi phí dự phòng: | 40.513.969đ; |

2. Nội dung điều chỉnh

2.1. Lý do điều chỉnh

Theo Biên bản hiện trường ngày 25/3/2021 giữa chủ đầu tư, Ban QLDA huyện Triệu Sơn, nhà thầu thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và Văn bản số 2750/PCTH-KT ngày 04/10/2021 của Công ty Điện lực Thanh Hóa về việc chấp thuận di chuyển đường dây 22kV phục vụ công tác GPMB dự án khu dân cư thôn Hòa Triều – Nga Nha Thượng, xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn.

Việc điều chỉnh quy mô rãnh thoát nước tuyến số 1 và tuyến số 4, điều chỉnh thiết kế di chuyển đường điện trung thế và xây dựng đường điện hạ thế cho mặt bằng khu dân cư thôn Hòa Triều – Nga Nha Thượng, xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn là cần thiết.

2.2. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh thoát nước:

- Đối với tuyến 1: Điều chỉnh thiết kế bề rộng rãnh thoát nước phía phải tuyến từ B=0,5m lên B=0,8m; chiều cao trung bình thành rãnh Htb= 0,98m.

- Đối với tuyến 4: Điều chỉnh thiết kế bề rộng rãnh thoát nước phía trái tuyến từ B=0,5m lên B=0,8m; chiều cao trung bình thành rãnh Htb = 1,43m.

b) Điều chỉnh phần điện:

- Di chuyển đường điện trung thế: Điều chỉnh việc di dời đường dây 22 kV nhánh rẽ Tiến Nông 2, thuộc lộ 471E9.17 từ cột số 13 đến cột số 16 như sau:

+ Điểm đầu vị trí cột số 12 (hiện trạng); Điểm cuối vị trí cột số 17 (hiện trạng). Chiều dài 453m;

+ Số mạch: 01 mạch.

+ Cột: Lắp dựng mới 4 vị trí cột (03 vị trí cột đôi, 03 vị trí cột đơn), cột sử dụng cột bê tông ly tâm NPC 18-13kN Ngọn 190 x góc 430;

+ Xà, gông cột và phụ kiện: Sử dụng xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng;

+ Dây dẫn và phụ kiện: Kéo rải căng dây dẫn AC70/11 từ vị trí cột 12 (hiện trạng) đến vị trí cột 17 (hiện trạng);

+ Cách điện và phụ kiện: Sử dụng cách điện polyme chuỗi néo đơn 24kV, sứ đứng 24kV;

+ Móng: Sử dụng móng MT-8 cho cột đơn, MTK-8 cho cột đôi; móng BTCT M150# đá 2x4 đổ tại chỗ, bê tông chèn móng M200# đá 2x4;

+ Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa RC-2 cho vị trí cột xây dựng mới.

- Đường dây hạ thế: Điều chỉnh vị trí và số lượng các cột điện hạ thế chữ H7.5m và đường dây cấp điện hạ thế khu dân cư.

(Giải pháp thiết kế kỹ thuật được Công ty Điện lực Thanh Hóa thỏa thuận thiết kế kỹ thuật tại Văn bản số 2941/PCTH-KT ngày 22/10/2021)

3. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh: 4.406.246.000đ.*(Bốn tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	3.868.815.000đ;
- Chi phí QLDA:	97.177.598đ;
- Chi phí TVĐTXD:	322.737.695đ;
- Chi phí khác:	62.033.640đ;
- Chi phí dự phòng :	55.482.319đ;

(có phụ biểu chi tiết kèm theo)

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Tiến Nông; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH**Vũ Đức Kính**

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ THÔN HÒA TRIỀU - NGA NHA THƯỢNG,
XÃ TIẾN NÔNG, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VND

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT THEO QĐ SỐ 299/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2021	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN BỔ SUNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ SAU ĐIỀU CHỈNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	3.598.432.000	270.383.000	3.868.815.000
1	Đường giao thông		1.925.281.000	-2.385.000	1.922.896.000
2	Công trình thoát nước		1.363.712.000	49.321.000	1.413.033.000
3	Xây dựng đường dây hạ thế và di chuyển đường dây trung thế		309.439.000	223.447.000	532.886.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	90.386.069	6.791.529	97.177.598
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	304.589.588	18.148.107	322.737.695
1	Chi phí khảo sát địa hình		35.139.000		35.139.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		149.190.991	11.210.079	160.401.070
3	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán		13.961.916		13.961.916
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng		13.961.916		13.961.916
5	Chi phí giám sát thi công xây lắp		92.335.765	6.938.028	99.273.793
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	57.989.266	4.044.374	62.033.640
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		388.732	29.862	418.594
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		3.271.302		3.271.302
3	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		11.546.481	853.196	12.399.677
4	Chi phí kiểm toán		42.782.752	3.161.316	45.944.068
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	40.513.969	14.968.350	55.482.319
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		40.513.969	14.968.350	55.482.319
	TỔNG CỘNG		4.091.910.893	314.335.360	4.406.246.253
	LÀM TRÒN		4.091.911.000	314.335.000	4.406.246.000

(Bốn tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)